

**MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KINH DOANH XUẤT NHẬP
KHẨU NÔNG LÂM SẢN NĂM 2019**

*(course description of all courses in the bachelor program of import and export
of agricultural and forestry products)*

***1. MLP121. Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác và Lênin I (Principles
of Marxism and Leninism I)***

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học như: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (II), Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%

- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

***2. MLP 132. Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác và Lênin II (Principles
of Marxism and Leninism II)***

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng

niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

3. VCP131. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (*Revolutionary of VN's Communist Party*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Người học biết và hiểu được các quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam một cách cơ bản và có hệ thống. Sinh viên vận dụng, kết hợp với kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

4. HCM 121. Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho (*Ho Chi Minh's Thought*)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Cung cấp cho người học hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Tiếp tục cung cấp kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt nam.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

5. CHE141. Hóa học - Chemistry

Số tín chỉ: 04

CP: 4

Mô tả môn học: Học phần Hóa học cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về cân bằng hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học; áp dụng giải thích sự chuyển dịch của các phản ứng thuận nghịch; tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng. Đồng thời cung cấp khái niệm, kiến thức cơ bản đại cương về dung dịch. Nghiên cứu về thành phần cấu tạo và hàm lượng mẫu khảo sát: phân tích định tính, định lượng, xác định cấu trúc, đánh giá kết quả và chất lượng sản phẩm, tách, phân chia, làm sạch, điều chế các hợp chất siêu tinh khiết...vv.

Học phần trang bị cho sinh viên một số nội qui cơ bản trong phòng thí nghiệm; nghiên cứu các thí nghiệm về ảnh hưởng của các yếu tố đến cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, giải thích, vận dụng vào thực tiễn; thực hành xác định giá trị pH của một số loại dung dịch thường gặp; nghiên cứu về các thí nghiệm chuẩn độ, xác định hàm lượng của mẫu phân tích.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

6. GBI121. Sinh học (Biology)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học sự sống: Từ các đại phân tử sinh học đến các cấp độ tổ chức cao hơn của sự sống. Bên cạnh đó cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức về các quá trình, các đặc trưng cơ bản của một cơ thể sống: Trao đổi chất, sinh sản, sinh trưởng và phát triển, cảm ứng và thích nghi. Sinh học cũng đưa ra cái nhìn tổng thể về

sự tiến hóa của toàn bộ sinh giới trên trái đất, quá trình tiến hóa nói chung của thực vật, động vật, các học thuyết tiến hóa, bằng chứng tiến hóa và các con đường hình thành loài mới.

Các bài thực hành trong học phần Sinh học hướng dẫn người học phương pháp sử dụng kính hiển vi, phương pháp làm tiêu bản để quan sát. Đồng thời, sinh viên được trực tiếp quan sát một số dạng tế bào, cấu trúc bên trong tế bào, cấu trúc cơ quan sinh sản của sinh vật.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

7. GSO121. Xã hội học đại cương (General Sociology)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Môn học Xã hội học Đại cương là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên ngành Kinh doanh nông nghiệp một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

8. PHY121. Vật lý (Physics)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về cơ học, các dạng chuyển động cơ bản gắn với thực tiễn, các định luật cơ bản của Niu ton; các khái niệm và các hiện tượng thường gặp trong cơ học chất lỏng; trang bị những kiến thức cơ bản về điện từ trường và sóng điện từ; cung cấp một số kiến thức về quang sóng, quang lượng tử, các quá trình quang sinh; các kiến thức cơ bản về vật lí hạt nhân và sử dụng một số kĩ thuật hạt nhân. Yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức đã học trong từng chương để giải quyết những bài toán thực tế: giải thích các hiện tượng, ứng dụng kiến thức đã học vào đúng chuyên ngành đang theo học.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

9. MAT121. Toán cao cấp (Advanced Maths)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Học phần Toán cao cấp gồm 3 chương với 17 tiết lý thuyết và 13 tiết thảo luận. Phần lý thuyết trang bị các khái niệm về ma trận, các phép toán trên ma trận; hệ phương trình tuyến tính (hệ PTTT), cách giải hệ PTTT; phương trình vi phân (PTVP) và một số ứng dụng; một số dạng toán tối ưu trong nông lâm nghiệp và các phương pháp giải bài toán tối ưu. Phần thảo luận: Yêu cầu sinh viên ứng dụng các phương pháp đã học vào giải các bài toán, đặc biệt sử dụng thành thạo phần mềm (Excel) trên máy để giải các bài toán về ma trận, hệ PTTT và các bài toán tối ưu.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

10. ENG131. Tiếng Anh 1 (English 1)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Giúp sinh viên phát âm đúng các âm tiếng Anh, sử dụng và hiểu những ngữ điệu thông thường. Đạt được 1000 từ tiếng Anh cơ bản. Học nghe hiểu được các bài hội thoại, bài phát biểu có nhiều từ vựng và về nhiều chủ đề khác nhau; và có thể phát biểu ý kiến, đóng vai hội thoại, bàn luận về nhiều chủ điểm khác nhau liên quan đến đời sống thực tế. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, xác định nội dung đúng sai so với bài đọc. Kỹ năng đọc hiểu giúp tăng cường vốn từ vựng, kiến thức phổ thông và cách phát âm từ, ngữ điệu câu. Sinh viên được rèn luyện từ viết từng câu đến viết được đoạn văn một cách hiệu quả. Cách xây dựng ý tưởng, kiến thức lập dàn bài cũng được trang bị cho sinh viên. Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

11. ENG132. Tiếng Anh 2 (English 2)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Giúp sinh viên phát âm đúng các âm tiếng Anh, sử dụng và hiểu những ngữ điệu thông thường. Đạt được 2000-3000 từ tiếng Anh cơ bản. Học nghe hiểu được các bài hội thoại, bài phát biểu có nhiều từ vựng và về nhiều chủ đề khác nhau; và có thể phát biểu ý kiến, đóng vai hội thoại, bàn luận về nhiều chủ điểm khác nhau liên quan đến đời sống thực tế. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, xác định nội dung đúng sai so với bài đọc. Kỹ năng đọc hiểu giúp tăng cường vốn từ vựng, kiến thức phổ thông và cách phát âm từ, ngữ điệu câu. Sinh viên được rèn luyện từ viết từng câu đến viết được đoạn văn một cách hiệu quả. Cách xây dựng ý tưởng, kiến thức lập dàn bài cũng được trang bị cho sinh viên. Sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

12. ENG133. Tiếng Anh 3 (English 3)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và khả năng sử dụng Tiếng Anh trong việc đọc và hiểu các bài báo chuyên ngành bằng Tiếng Anh. Sinh viên có khả năng tóm tắt các bài báo đã đọc và có khả năng dịch tóm tắt các bài báo khoa học chuyên ngành từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Ngoài ra, việc sinh viên có thể nói lưu loát tiếng Anh trong giao tiếp về chuyên môn chỉ mang tính khuyến khích.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

13. GIN131. Tin học đại cương – Basic Informatics

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Giúp sinh viên sử dụng thành thạo máy vi tính; thao tác được trên hệ điều hành Windows và một số chương trình ứng dụng; biết cách quản lý và khai thác các thông tin trên máy vi tính một cách có hiệu quả. Sử dụng thành thạo Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Biết cách khai thác, kết nối các thông tin có sẵn trên Internet nhằm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu, biết sử dụng thư điện tử để gửi và nhận tài liệu. Ứng dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn học khác.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

14. PST131. Xác suất – Thống kê (Probability and Statistics)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Trang bị các kiến thức về phép thử, biến cố, xác suất của các biến cố; biến ngẫu nhiên (BNN), quy luật phân phối xác suất và các tham số đặc trưng của BNN; tổng thể, mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu và cách tính; ước lượng tham số; kiểm định tham số; tương quan và hồi quy. Yêu cầu sinh viên tính được xác suất của các biến cố thông qua các công thức; tìm được quy luật phân phối xác suất và tính được các tham số đặc trưng của BNN; giải thành thạo các bài toán về ước lượng, kiểm định tham số, tìm được hệ số tương quan và viết được phương trình hồi quy của hai BNN.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

15. MEC121. Khoa học quản lý – Management Science

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý. Nắm được vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý, lịch sử các tư tưởng quản lý, các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học, kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, tổ chức khoa học lao động quản lý và người cán bộ quản lý.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

16. VEG121. Địa lý kinh tế Việt Nam (Vietnam Economic Geography)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả mô học: Nghiên cứu các vấn đề về không gian địa lý, không gian kinh tế, tổ chức không gian kinh tế - xã hội, khái niệm về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng và phát triển kinh tế, các chỉ tiêu đo lường sự phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Nghiên cứu các lý luận cơ bản về tổ chức không gian kinh tế - xã hội như phân bố sản xuất, vùng kinh tế, quy hoạch vùng, tổ chức lãnh thổ công nghiệp, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, tổ chức lãnh thổ các ngành dịch vụ Việt Nam.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

17. SLA121.Nhà nước và pháp luật (State and Laws)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả mô học: Là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương có đối tượng nghiên cứu là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung và của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản sau: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các khái niệm pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật; những nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

18. SAM121. Phương pháp tiếp cận khoa học (Research methodology)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: giúp cho sinh viên biết cách tiếp cận với khoa học, một số phương pháp nghiên cứu khoa học, cách xác định và lựa chọn vấn đề nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu, cách viết báo cáo và công bố kết quả của đề tài khoa học. Khi học xong học phần này, sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất để tham gia nghiên cứu khoa học. Giúp cho sinh viên có khả năng tư duy logic khoa học, biết suy luận khoa học và biết phân tích khoa học.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

19. MIE231. Kinh tế vi mô (*Microeconomics*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Môn học kinh tế vi mô là môn học cơ bản của sinh viên ở các ngành kinh tế, nghiên cứu và xem xét hành vi của các thành viên riêng lẻ trong nền kinh tế. Cụ thể, môn học này cung cấp các kiến thức liên quan đến: Lý thuyết cung cầu, cơ chế hình thành giá cả của thị trường; tác động của sự can thiệp của chính phủ vào thị trường; độ co giãn và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Quyết định tối đa hoá lợi ích; lý thuyết về sản xuất, chi phí, lợi nhuận; Các cấu trúc thị trường, quyết định sản xuất tối ưu của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Thị trường các yếu tố sản xuất.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

20. ITR Thương mại quốc tế (*International commerce*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Học phần giúp cho sinh viên nắm được các lý thuyết về thương mại quốc tế từ các lý thuyết cổ điển, tân cổ điển và các lý thuyết hiện đại. Làm quen với các chính sách thương mại quốc tế đặc biệt là các chính sách được áp dụng phổ biến hiện nay. Những thuận lợi khó khăn trong thương mại quốc tế thông qua việc gia nhập vào các tổ chức kinh tế quốc tế và tổ chức tài chính quốc tế.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

21. PST231. Nguyên lý thống kê (Principles of statistics)

Số tín chỉ: 3

CP: 3

Mô tả môn học: Nguyên lý thống kê là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học, sinh viên sẽ hiểu, biết và vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng (Phương pháp phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số,...vv). Từ đó đọc, hiểu và tính toán được các chỉ tiêu kinh tế để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

22. FMO231. Tài chính tiền tệ (Finance and monetary)

Số tín chỉ: 3

CP: 3

Mô tả môn học: Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về tín dụng và lãi suất tín dụng, thị trường tài chính, vai trò của các tổ chức tài chính trung gian và nhà nước trong kết nối cung-cầu tài chính. Ngoài ra, sinh viên được cung cấp kiến thức về tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình, tài chính quốc tế và quản lý rủi ro tài chính. Tham gia học phần, sinh viên sẽ được khuyến khích tham gia thảo luận, làm bài tập, trình bày, thảo luận những vấn đề về tài chính tiền tệ.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

23. MAR231. Marketing (Marketing)

Số tín chỉ: 3

CP: 3

Mô tả môn học: Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về marketing nông nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế đã và đang trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới. Cụ thể, học phần sẽ nghiên cứu một số nội dung chủ yếu sau: Thị trường trong kinh doanh nông nghiệp, môi trường Marketing kinh doanh nông nghiệp, các chính sách về sản phẩm, giá cả, phân phối, và xúc tiến trong kinh doanh nông nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

24. ECO231. Thương mại điện tử (e-commerce)

Mô tả môn học – Thương mại điện tử giới thiệu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau

giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán. Quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT, ...

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Nộp bài tự luận : 20%
- Thuyết trình và thảo luận: trọng số 40%
- Thi cuối kỳ: trọng số 20%

25.SCM331. Quản trị chuỗi cung ứng (Supply chain management)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng là môn học thuộc kiến thức chuyên ngành dành cho tất cả sinh viên của ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng cũng như các kiến thức và kỹ năng về hoạt động điều hành chuỗi cung ứng, đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng. Nham học tốt môn học này, sinh viên cần phải được trang bị các kiến thức cơ bản của các môn học trước như: lý thuyết xác suất và thống kê, marketing cơ bản.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

26. DCM 331. Quản trị kênh phân phối (Distribution channel management)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Kinh doanh trong điều kiện của nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế khác nhau của Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp

cạnh tranh với nhau ngày một gay gắt. Việc tạo lợi cạnh tranh trên thị trường của các nhà kinh doanh ngày một khó khăn hơn, nhất là muốn duy trì được lợi thế cạnh tranh lâu dài trên thị trường đối với họ còn khó hơn rất nhiều. Các biện pháp về sản phẩm, giảm giá, khuyến mãi, quảng cáo,... chỉ có thể tạo được lợi thế trong ngắn hạn. Bởi những giải pháp đó rất dễ bị các đối thủ cạnh tranh bắt chước. Chính vì vậy, việc tập trung phát triển mạng lưới kênh phân phối sản phẩm sẽ đảm bảo cho doanh nghiệp xây dựng và duy trì được lợi thế cạnh tranh lâu dài. Bởi kênh phân phối là một tập hợp các quan hệ bên ngoài giữa các doanh nghiệp doanh nghiệp kinh doanh độc lập với nhau. Để tạo lập và phát triển được một hệ thống kênh phân phối hiệu quả đòi hỏi trí tuệ, tiền của, sức lực,... và phải mất một thời gian dài doanh nghiệp mới thực hiện được nên các doanh nghiệp khác khó có thể làm theo một cách nhanh chóng.

Phân phối là một phần quan trọng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nó không chỉ thực chức năng phân phối sản phẩm mà còn giúp doanh nghiệp thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng thông qua hàng loạt các hoạt động được thực hiện sau sản xuất và nắm bắt các thông tin về thị trường và khách hàng để từ đó điều chỉnh các chính sách kinh doanh cho phù hợp.

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

27. BAC231. Kế toán doanh nghiệp (Business accounting)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Học phần này trang bị những kiến thức chuyên ngành về kế toán doanh nghiệp; các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung; nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; nội dung, quy trình và các phương pháp kế toán trong các phần hành kế toán doanh nghiệp, các đối tượng kế toán nhằm trình bày và cung cấp các thông tin trong báo cáo tài chính theo các nguyên tắc, chuẩn mực và chế độ kế toán.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

28. BAA331. Ứng dụng Blockchain trong nông nghiệp (Blockchain Applications in Agriculture)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Học phần này nhằm trang bị kiến thức cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Blockchain và những ứng dụng trong kinh doanh nông nghiệp. Nội dung trọng tâm của học phần tập trung vào vấn đề như quản lý và phát triển các giao dịch trực tuyến, tiếp thị trực tuyến, trao đổi dữ liệu sản xuất kinh doanh nông sản, quản lý hàng tồn kho nông sản, truy suất nguồn gốc QR code, hạch toán ghi chép dữ liệu của tất cả các bước trong quá trình kinh doanh nông nghiệp...

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

29. ENT331. Khởi sự kinh doanh – Entrepreneurship

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Môn học này giúp người học và sinh viên khám phá các cơ hội để khởi sự kinh doanh, khuyến khích khởi tạo và phát triển một doanh nghiệp mới, thúc đẩy sự cải tiến và hình thành doanh nghiệp mới trong những bối cảnh khác nhau của thực tiễn đời sống xã hội.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%

- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

30. AEC331. Kinh tế lượng ứng dụng (Applied Econometrics)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu và thông dụng trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Môn học Kinh tế lượng bao gồm 8 chương với 2 nội dung căn bản

- Nội dung thứ nhất (chương 1 đến chương 4) giới thiệu về mô hình hồi quy (đơn biến và đa biến): Cách biểu diễn mô hình hồi quy tổng thể, mô hình hồi quy mẫu, phương pháp ước lượng hệ số, khoảng tin cậy, kiểm định hệ số và kiểm định mô hình, dự báo.

- Nội dung thứ 2 (chương 5 đến chương 8) giới thiệu về các khuyết tật có thể xảy ra của một mô hình kinh tế lượng (đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, thiếu biến/mô hình sai): khái niệm, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và biện pháp khắc phục.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thực hành: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

31. SRM231. Quản trị học (Management)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Thuật ngữ Quản trị được định nghĩa là quá trình điều phối các công việc để chúng có thể được hoàn thành với hiệu suất và hiệu quả cao nhất, bằng và thông qua những người khác. Quá trình là từ diễn tả những chức năng đang được thực hiện và các công việc ưu tiên cần các nhà quản trị giải quyết, các chức năng này cụ thể là lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Hiệu suất là một phần vô cùng quan trọng của quản trị, nó đề cập đến mối quan hệ giữa đầu vào và đầu ra. Nếu bạn có thể tạo được nhiều sản phẩm đầu ra hơn

từ cùng lượng đầu vào thì bạn đã tăng được hiệu suất. Hoặc tương tự, nếu bạn có thể tạo ra số sản phẩm đầu ra tương đương với lượng đầu vào ít hơn thì cũng có nghĩa là bạn đã tăng được hiệu suất. Vì các nhà quản trị phải điều hành công việc với nguồn lực giới hạn, chủ yếu gồm nhân lực, tài chính, trang thiết bị, cho nên họ luôn quan tâm đến cắt giảm chi phí tối đa.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

32. MAE 231. Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: kinh tế vĩ mô cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nền kinh tế thông qua các chỉ tiêu kinh tế và các chính sách kinh tế hiện hành của chính phủ.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

33. BLA231. Luật kinh doanh (Business Laws)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Luật trong doanh nghiệp là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường. Trong kinh doanh đòi hỏi các nhà kinh doanh phải hiểu biết pháp luật để kinh doanh theo đúng pháp luật. Do vậy Luật kinh doanh là môn học cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và các ngành học liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở các bậc đại học. Môn học Luật trong doanh nghiệp trình bày những lý luận cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường

dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

34. IPA 331. Thanh toán quốc tế (*International Payments*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Thanh toán quốc tế là môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về thị trường hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế và chính sách quản lý ngoại hối, những điều kiện qui định trong hợp đồng mua bán ngoại thương liên quan đến việc thanh toán ngoại thương, các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng trong ngoại thương, các phương thức thanh toán quốc tế. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học xác định các điều kiện thanh toán trong hợp đồng thương mại và thực tế thanh toán quốc tế trong giao dịch quốc tế. Môn học này bao gồm 4 chương với 2 nội dung căn bản: Nội dung thứ nhất (chương 1 đến chương 2) giới thiệu về các yếu tố vĩ mô có thể ảnh hưởng đến giá trị trong thanh toán quốc tế giữa các quốc gia. Từ đó sinh viên có thể xác định các rủi ro có liên quan đến các giao dịch ngoại tệ có thể xảy ra trong tương lai đối với các hợp đồng thương mại. Nội dung thứ 2 (chương 3 đến chương 4) giới thiệu về việc ứng dụng thanh toán quốc tế trong các hợp đồng thương mại trong các hoạt động xuất nhập khẩu. Từ đó sinh viên có thể có các giải pháp để tránh các rủi ro về ngoại tệ trong các giao dịch xuất nhập khẩu.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Bài tập nhóm : trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

35. ICO 331. Nghiệp vụ ngoại thương (*Foreign Trade Techniques*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Học phần này mô tả các phương thức giao dịch mua bán hiện đang diễn ra trên thế giới. Bên cạnh đó, nó giới thiệu với người học các bước trong một giao dịch ngoại thương trong thương mại quốc tế. Tiếp theo nó hướng dẫn các bước thực hiện đối với một hợp đồng mua bán hàng hóa trên thế giới. Cuối cùng nó mô tả một số loại hình giao dịch thuê bán kỹ thuật công nghệ và miêu tả mối quan hệ của doanh nghiệp ngoại thương trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Nộp bài tự luận: trọng số 30%
- Thuyết trình và thảo luận: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 20%

36. CUS 331. Nghiệp vụ hải quan (Customs Operations)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức về quy trình, thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất nhập khẩu mậu dịch, tạm nhập tái xuất, gia công, hàng dự hội chợ triển lãm, hàng viện trợ, hàng của các cơ quan ngoại giao, hàng của cư dân biên giới... cũng như giới thiệu về quy trình nghiệp vụ kiểm tra giám sát hải quan, phương pháp xác định và áp mã tính thuế suất thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác, đại lý làm thủ tục hải quan và kinh doanh dịch vụ thủ tục Hải quan Việt Nam. Bên cạnh việc đi sâu tìm hiểu về hải quan Việt Nam, môn học cũng giới thiệu về hải quan thế giới, các Công ước quốc tế và Hiệp định về hải quan.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

37. LOG 331. Logistics (Logistics)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Logistics là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức... Môn học nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình chính yếu được tiến hành đúng mục tiêu. Trong sản xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

38. EMA 331. e - marketing

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: e-marketing thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về Marketing điện tử bao gồm các khái niệm cơ bản như: marketing điện tử; môi trường, chiến lược, kế hoạch cho marketing điện tử; truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC); quản trị quan hệ khách hàng điện tử; marketing điện tử trong các thương mại B2B; đo lường hiệu quả của marketing điện tử. Ngoài ra môn học còn cung cấp kiến thức về các kỹ thuật truyền thông tiếp thị điện tử như qua phương tiện xã hội, di động, website, máy tìm kiếm, dựa trên vị trí.... Bên cạnh đó môn học còn giúp người học có thể vận dụng các kiến thức về marketing điện tử vào việc phân tích cũng như đề ra các giải pháp triển khai hiệu quả về marketing điện tử cho những tình huống thực tế.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Bài tập nhóm: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

39. IEA 331. Phần mềm quản lý XNK Vtranet (Import/Export application Vtranet)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Trong xu thế toàn cầu hóa, hầu hết các doanh nghiệp đều mong muốn mở rộng thị trường ra ngoài biên giới quốc gia. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong những năm gần đây ngày một gia tăng là một minh chứng cho sự tăng lên của các giao dịch ngoại thương. Tuy nhiên, một trong những khó khăn của doanh nghiệp Việt là thiếu sự hiểu biết về cách lưu trữ thông tin, quản lý và thực hiện các hợp đồng cũng như dự kiến về kinh phí... Môn học Phần mềm quản lý XNK Vtranet cung cấp các kiến thức về thông tin dữ liệu khách hàng/đối tác. Quản lý các quy trình thao tác và thực hiện trên các hợp đồng đặt hàng, hợp đồng mua chính, quản lý công việc, nhân sự cũng như quá trình thanh toán, dự kiến luồng tiền của các doanh nghiệp cụ thể. Thiết kế các mẫu in đặc thù của từng đơn vị.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

40. PQU 331. Kiểm dịch thực vật (Plant Quarantine)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Kiểm dịch thực vật giúp người học và sinh viên khám phá các cơ hội để khởi sự kinh doanh, khuyến khích khởi tạo và phát triển một

doanh nghiệp mới, thúc đẩy sự cải tiến và hình thành doanh nghiệp mới trong những bối cảnh khác nhau của thực tiễn đời sống xã hội.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

41. AQU 331. Kiểm dịch động vật (*Animal quarantine*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Kiểm dịch động vật là học phần nghiên cứu về các phương pháp kiểm tra, áp dụng các biện pháp kỹ thuật để phát hiện, kiểm soát, ngăn chặn đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 10%
- Thuyết trình : 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

42. APP 331. Bảo quản và chế biến nông sản (*Agricultural product preservation and processing*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả mô học: Bảo quản nông sản, thực phẩm là môn học chuyên ngành đề cập đến tầm quan trọng của công tác bảo quản trong sản xuất nông nghiệp; phân tích mối quan hệ giữa môi trường và nông sản thực phẩm; đặc tính của nông sản, thực phẩm khi bảo quản; các biến đổi sinh học, hóa học xảy ra trong quá trình bảo quản; ảnh hưởng của sinh vật hại. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho sinh viên những phương pháp, quy trình công nghệ chủ yếu để trong việc bảo quản sản phẩm nông sản, thực phẩm cụ thể.

43. BCN331. Giao dịch và đàm phán kinh doanh (*Trade Communication and Negotiation*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả mô học: Môn học giao dịch và đàm phán trong kinh doanh nhằm trang bị những kiến thức lí luận, phương pháp luận và các kỹ năng thực hành cơ bản về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

44. RCM 331. Quản trị rủi ro và sự thay đổi (*Risk and change management*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Trong một môi trường đầy biến động và thay đổi nhanh chóng như hiện nay thì các doanh nghiệp, các nhà quản trị của công ty luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro và nó ảnh hưởng không nhỏ đến các mục tiêu của công ty. Vì vậy việc kiểm soát được các rủi ro này là một điều tối quan trọng để mang lại thành công cho công ty. Vậy rủi ro là gì? Làm thế nào để chúng ta nhận biết rủi ro? Cách chúng ta quản trị các rủi ro đó như thế nào là một phần mục tiêu mà khóa học này mang lại.

Quản trị rủi ro là quá trình được tổ chức một cách chính thức và được thực hiện liên tục để xác định, kiểm soát và báo cáo các rủi ro có thể ảnh hưởng đến việc đạt được những mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong các doanh nghiệp, quản trị rủi ro là vấn đề trọng tâm của hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị chiến lược hiệu quả. Nếu hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập, có cơ cấu phù hợp, và được xác lập liên tục trong toàn hệ thống doanh nghiệp từ việc xác định, đánh giá, ra quyết định đến việc phản hồi, tổng hợp thông tin về các cơ hội cũng như mối đe dọa ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu đề ra của doanh nghiệp. Điều này được gọi là quản trị rủi ro doanh nghiệp hay ERM.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

45. IMA 331. Marketing quốc tế (International Marketing)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Marketing quốc tế là một trong những môn học cốt lõi của ngành học Marketing và các ngành học có liên quan đến kinh doanh quốc tế. Bắt nguồn từ sự hội nhập kinh tế toàn cầu, môn Marketing quốc tế cung cấp cho người học có những kiến thức cốt lõi về hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng sản phẩm và dịch vụ, các hoạt động marketing đang diễn ra ngày nay trên phạm vi toàn thế giới.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Bài tập nhóm :trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

46. IEC 331. Kinh tế bảo hiểm (Insurance economics)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%

- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

47. INE 331. Kinh tế quốc tế (*International economics*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Học phần kinh tế quốc tế có tất cả 9 bài giảng, một số bài nghiên cứu tình huống chính sách sẽ được thuyết trình và thảo luận trên lớp nhằm giúp sinh viên nắm vững lý thuyết các vấn đề được học. Các bài giảng được thiết kế dựa trên 4 phần chính: (1) Lý thuyết về mậu dịch quốc tế; (2) Chính sách mậu dịch quốc tế; (3) Các định chế kinh tế có tính chất quốc tế; (4) Tài chính quốc tế. Ở mỗi phần học là các chủ đề nghiên cứu khác nhau nhằm giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề về kinh tế học quốc tế.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

48. IET 331. Thuế xuất nhập khẩu (*Import/export taxation*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Thuế xuất nhập khẩu tập trung giới thiệu khái quát hoá cơ sở lý luận Thuế và các Luật thuế cơ bản đang được vận hành trong nền kinh tế thị trường Việt Nam. Thuế hiện nay đóng một vai trò hết sức quan trọng và là công cụ trọng yếu của Nhà nước. Bên cạnh việc tạo lập nguồn thu cho NSNN, thuế còn là công cụ điều tiết và quản lý kinh tế vĩ mô, khắc phục những hạn chế của thị trường và tái phân phối thu nhập XH. Chính vì thế, việc trang bị cho sinh viên thuộc khối ngành xuất nhập khẩu nông sản kiến thức về thuế xuất nhập khẩu là hết sức cần thiết.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

49. ITL 331. Luật thương mại quốc tế (International trade laws)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân; Giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

50. VCA331. Phân tích chuỗi giá trị - Value Chain Analysis

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Giúp sinh viên hiểu cấu trúc chuỗi, phân tích, đánh giá chuỗi và vận dụng các giải pháp để giúp người sản xuất giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng, thu nhập cũng lợi nhuận toàn chuỗi ngành hàng nông sản, nâng cao chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường, đưa sản phẩm ra thị trường một cách bền vững.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

51. TRA 331. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm (Product Traceability)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Truy xuất nguồn gốc thực phẩm là khả năng theo dõi, nhận diện được đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm thực phẩm.

Học phần được bắt đầu bằng phần giới thiệu khái niệm và tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Tiếp theo là các tiêu chuẩn và cơ sở pháp lý áp dụng trong truy xuất nguồn gốc. Kế tiếp là giới thiệu về hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ và thực hiện truy xuất nguồn gốc trong nhà máy. Các hệ thống truy xuất nguồn gốc trong thực tế Và cuối cùng là giới thiệu về các biện pháp truy xuất nguồn gốc từ bên ngoài và biện pháp kiểm tra nguồn gốc

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

52. PAD331. Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp (Human Resources Management)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Quản trị nhân lực là một trong những chức năng quan trọng và cơ bản của công tác quản trị, bởi con người là bộ phận nòng cốt, là nguồn lực quan trọng nhất và cũng chính là trung tâm của sự phát triển của một công ty, doanh nghiệp. Nếu như nói bộ phận bán hàng là mũi nhọn đứng đầu, mang lại mọi nguồn lợi, doanh thu cho doanh nghiệp, thì nhân sự được xem là hậu phương vững chắc giúp doanh nghiệp phát triển. Chính vì vậy, việc thu hút, đào tạo, tuyển dụng, đánh giá, sắp xếp những có năng lực, phẩm chất phù hợp với vị trí, đồng thời giám sát, lãnh đạo, đảm bảo phù hợp với luật lao động và việc làm... chính là nhiệm vụ hàng đầu của những nhà quản trị. Học phần này giúp cho nhà quản trị nắm bắt được những phương pháp chủ yếu được sử dụng để quản lý lao động trong doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

53. BAF331. Quản trị tài chính doanh nghiệp (Enterprise Finance Management)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Đối với học viên cao học ngành QTKD, học phần QTTC được thiết kế dựa trên nền QTTC căn bản, được nâng cao. Như vậy, điều kiện tiên quyết là học viên phải có kiến thức QTTC căn bản. Nội dung học phần QTTC giảng cho hệ cao học gồm 5 vấn đề lớn như: 1) phân tích và hoạch định tài chính; 2) quản trị vốn lưu động; 3) ra quyết định đầu tư; 4) quyết định tài trợ và 5) phân phối lợi nhuận. Học phần QTTC sẽ trang bị cho học viên khả năng về phân tích và lập kế hoạch tài chính cho DN; ra các quyết định đầu tư dài hạn dựa trên dòng tiền, chi phí vốn và độ rủi ro của dự án; lựa chọn cơ cấu vốn tối ưu cho công ty hay ra quyết định tài trợ vốn cho tổ chức...

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

54. CRM 331. Quản trị quan hệ khách hàng (Customer relationship management)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Quản trị quan hệ khách hàng hay CRM (tiếng Anh: Customer relationship management) là một phương pháp giúp các doanh nghiệp tiếp cận và giao tiếp với khách hàng một cách có hệ thống và hiệu quả, quản lý các thông tin của khách hàng như thông tin về tài khoản, nhu cầu, liên lạc và các

vấn đề khác nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn. Các mục tiêu tổng thể là tìm kiếm, thu hút, giành niềm tin khách hàng mới, duy trì những đối tác đã có, lôi kéo khách hàng cũ trở lại, giảm chi phí tiếp thị và mở rộng dịch vụ khách hàng. Việc đo lường và đánh giá mối quan hệ với khách hàng là rất quan trọng trong mục tiêu thực hiện chiến lược.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

55. ABA 331. Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Analytics)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: Để phân tích kinh doanh ngành quản trị sẽ cân nhắc ở 3 mức độ: phân tích chiến lược, phân tích kế hoạch và phân tích hoạt động. Học phần phân tích hoạt động kinh doanh là học phần thấp nhất trong phân tích kinh doanh, dùng các chỉ tiêu để báo cáo và kiểm soát trong quản lý kế hoạch kinh doanh. Từ các phân tích hoạt động kinh doanh này, doanh nghiệp và nhà đầu tư mới có thể đánh giá hiệu quả của mô hình hoạt động và mô hình vận hành của doanh nghiệp. Cuối cùng, họ sẽ cân nhắc để đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý chiến lược và quản lý kế hoạch hay là quyết định mua bán hoặc đầu tư vào doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Thuyết trình: trọng số 20%
- Nộp bài tự luận : trọng số 20%
- Thi cuối kỳ: trọng số 40%

56. BST 331. Thống kê doanh nghiệp (Business statistics)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả môn học: thống kê doanh nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Phương pháp thống kê chất lượng sản phẩm; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về quy mô, cơ cấu nguồn nhân lực (lao động), chất lượng nguồn nhân lực và tình hình sử dụng nó; phương pháp thống kê và đánh giá TSCĐ; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

57. FVH411. Thăm quan các mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao (DN, HTX, Trang trại,...) (Field Trips to High Efficiency Agribusiness Models)

Số tín chỉ: 01

CP: 1

Mô tả môn học: Môn học Thăm quan các mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao là môn học tự chọn nhằm trang bị cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nông nghiệp một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về cơ cấu, bộ máy tổ chức và các hoạt động của các mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

56. IAE421. Phân tích, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị (Internship at firms, farms and cooperatives)

Số tín chỉ: 01

CP: 1

Mô tả môn học: Đây là học phần thực tập của sinh viên nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế, các kỹ năng cần thiết để sinh viên làm quen với môi trường làm việc ngoài thực tế. Môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về phân tích, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đối với phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, nắm được cách thức phân tích đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh (phân tích được các yếu tố đầu vào-đầu ra, hiệu quả sản xuất-kinh doanh, phân tích SWOT), cuối cùng là vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích đánh giá, viết được báo cáo phân tích đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

57. ING421. Phân tích, đánh giá các hoạt động của NGOs trong hỗ trợ sản xuất kinh doanh nông nghiệp (Internship at NGOs)

Số tín chỉ: 01

CP: 1

Mô tả môn học: Đây là học phần thực tập của sinh viên nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế, các kỹ năng cần thiết để sinh viên làm quen với môi trường làm việc ngoài thực tế. Môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về phân tích, đánh giá các hoạt động của NGOs trong hỗ trợ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đối với phân tích và đánh giá hoạt động dự án, nắm được cách thức phân tích đánh giá hoạt động dự án (đánh giá các mục tiêu dự án, tính khả thi của dự án, tính đầy đủ và hợp lý của dự án, tính khoa học, tính rủi ro và các phương pháp thực hiện dự án, phân tích kết quả dự án và đánh giá tác động của dự án...), cuối cùng là vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích đánh giá, viết được báo cáo phân tích đánh giá hoạt động của các NGOs trong hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

58. SPR511. Rèn nghề 1: Phân tích môi trường kinh doanh (Skilled Practice 1: Business Environment Analysis)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Phân tích môi trường kinh doanh là môn học bắt buộc nhằm giúp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nông nghiệp được thực hiện các nội dung của việc phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Sinh viên biết phân tích môi trường kinh doanh vĩ mô, môi trường ngành và môi trường nội bộ của doanh nghiệp. Sinh viên được tự rèn luyện kỹ năng phục vụ cho việc phát triển doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

59. SPR512. Rèn nghề 2: Xây dựng chiến lược quảng bá, tiêu thụ nông sản (Establishment of strategies on agricultural marketing)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Giúp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nông nghiệp được thực hiện các nội dung của việc hạch toán, đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được tự rèn luyện kỹ năng phục vụ cho việc phát triển doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

60. SPR513. Rèn nghề 3: Lập dự án sản xuất kinh doanh (Skilled Practice 4: Agribusiness Planning)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Lập dự án sản xuất kinh doanh là môn học bắt buộc nhằm giúp cho sinh viên thực hiện các nội dung của việc lập dự án sản xuất kinh doanh. Sinh viên được tự rèn luyện kỹ năng phục vụ cho việc phát triển doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

61. SPR514. Rèn nghề 4: Phân tích chuỗi giá trị nông sản (Skilled Practice 4: Value Chain Analysis)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: Phân tích chuỗi giá trị nông sản là môn học bắt buộc nhằm giúp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nông nghiệp được thực hiện các nội dung của việc phân tích chuỗi giá trị nông sản. Sinh viên được tự rèn luyện kỹ năng phục vụ cho việc phát triển doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

62. SPR515. Rèn nghề 5: Xây dựng đề án khởi nghiệp kinh doanh (Skilled Practice 5: Startup Proposal Preparation)

Số tín chỉ: 02

Mô tả môn học: Xây dựng đề án khởi nghiệp kinh doanh là môn học bắt buộc nhằm giúp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nông nghiệp được

thực hiện các nội dung của việc xây dựng đề án khởi nghiệp kinh doanh. Sinh viên được tự rèn luyện kỹ năng phục vụ cho việc phát triển doanh nghiệp

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

63. TTNN 1: Thực tập NN tại một cơ quan hải quan về quy trình thông quan hàng hoá nông lâm sản

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: là môn học tự chọn nhằm trang bị cho sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế chuyên ngành xuất nhập khẩu nông sản làm quen với 1 cơ quan hải quan có nhiệm vụ xuất nhập khẩu. Từ đó sinh viên làm quen dần với môi trường làm việc của các cơ quan hải quan.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

64. TTNN2: Thực tập NN tại một ngân hàng XNK về nghiệp vụ thanh toán hàng hoá/NLS XNK (Professional practice at an import and export bank)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: môn học tự chọn nhằm trang bị cho sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế chuyên ngành xuất nhập khẩu nông sản làm quen với các hoạt động trong ngân hàng. Từ đó sinh viên có thể nắm được một số công việc có liên quan đến các thủ tục liên quan đến hoạt động cho vay, hỗ trợ, hay tín dụng có ưu đãi đối với các hoạt động có liên quan đến xuất nhập khẩu để sinh viên có thể dần dần làm quen với môi trường làm việc của ngân hàng.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

65. Thực tập NN tại một doanh nghiệp xuất nhập khẩu về xuất nhập khẩu hàng hoá nông lâm sản (*Professional practice at an import and export enterprise*)

Số tín chỉ: 02

CP: 2

Mô tả môn học: môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế chuyên ngành xuất nhập khẩu nông sản làm quen với 1 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Từ đó sinh viên làm quen dần với môi trường làm việc của doanh nghiệp và vận dụng được các kiến thức thực tế vào doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

66. SCP 321- Trồng trọt chuyên khoa (*Specialized cultivation*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả: Môn học được ghép bởi 3 hợp phần: Cây ăn quả, cây chè và cây ngô. Mỗi hợp phần chia làm 5 chương: Giá trị kinh tế và tình hình sản xuất (cây ăn quả, cây chè, cây ngô), Đặc điểm sinh vật học xuất (cây ăn quả, cây chè, cây ngô), Kỹ thuật nhân giống (đối với cây ăn quả). Yêu cầu sinh thái xuất (cây ăn quả, cây chè, cây ngô), Kỹ thuật trồng và chăm sóc xuất (cây ăn quả, cây chè, cây ngô).

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%

67. SAP 431- Chăn nuôi chuyên khoa (*Specialized husbandry*)

Số tín chỉ: 03

CP: 3

Mô tả: Học phần đã nhận biết được một số giống trâu, bò, lợn, gia cầm phổ biến ở Việt Nam; hiểu được kỹ thuật chăn nuôi trâu bò sinh sản, chăn nuôi trâu bò sản xuất; Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản; kỹ thuật chăn nuôi lợn con theo mẹ, kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt và kỹ thuật ấp trứng gia cầm; kỹ thuật nuôi gà và kỹ thuật nuôi thủy cầm

Phương pháp đánh giá:

- Chuyên cần: trọng số 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%
- Thi cuối kỳ: trọng số 50%